

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày 29-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA -TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Bùi Mạnh Quyết.
2- Ông Võ Đức Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21a/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S. Địa chỉ: Lầu H số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ N - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh L. Địa chỉ: Số C H, khu phố B, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 14-9-2023. (bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Hữu B, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-9-2023 của Ngân hàng TMCP S và trong quá trình tố tụng bà Đặng Thị Mỹ N là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Năm 2019, ông Lê Hữu B có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng

và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp cho ông B thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,6%/tháng và được thay đổi theo quyết định về biểu phí của Ngân hàng. Phương thức thanh toán chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và trước ngày đến hạn được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22-11-2019, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21.600.000 đồng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.964.370 đồng, thứ tự ưu tiên thanh toán thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Do ông B vi phạm nghĩa vụ không thanh toán số tiền đến hạn theo Điều 20 nên ngày 22-9-2022, Ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền dư nợ cuối kỳ là 22.686.094 đồng mà ông B chưa thanh toán sang nợ quá hạn theo Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ. Tính đến ngày 31-7-2023, ông B còn nợ các khoản như sau: Dư nợ là 22.686.094 đồng, lãi vay là 9.172.012 đồng, tổng cộng là 31.858.106 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hữu B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31-7-2023 là 31.858.106 đồng và ông B phải trả lãi phát sinh từ ngày kế tiếp cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đối với bị đơn là ông Lê Hữu B, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 413/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 nhưng ông B không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14-11-2023 và ngày 26-01-2024 nhưng ông B vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Lê Hữu B trả tiền nợ vay qua thẻ tín dụng do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, như vậy tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S với ông Lê Hữu B là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng không có mặt, do đó Tòa án

xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu do nguyên đơn cung cấp xác định: Vào ngày 22-11-2019, Ngân hàng TMCP S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Lê Hữu B có hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Lãi suất vay tại thời điểm ký kết là 2.6%/tháng và được thay đổi theo quyết định về biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán Chủ thẻ phải trả tổng số tiền đến hạn được thông báo hàng tháng của Ngân hàng gửi cho Chủ thẻ. Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền đến hạn theo thông báo thì Chủ thẻ phải trả lãi đối với số tiền đến hạn được thể hiện trong thông báo giao dịch cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn được thanh toán. Ngày 25-5-2020, Ngân hàng ban hành quyết định về biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ, mức lãi suất vẫn áp dụng là 2,6%/tháng.

[2.2] Sau khi cấp Thẻ tín dụng, từ ngày 22-12-2019 đến ngày 22-5-2022 ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21.600.000 đồng và ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 19.964.370 đồng bao gồm cả lãi và phí. Từ tháng 6 năm 2022 trở đi ông B đã ngưng giao dịch với Ngân hàng, không thanh toán nợ đến hạn. Sau 3 kỳ thông báo liên tiếp, ông B vẫn không thanh toán nợ đến hạn nên ngày 22-9-2022, Ngân hàng chuyển toàn bộ tiền dư nợ cuối kỳ là 22.686.094 đồng của ông B sang nợ quá hạn là đúng với quy định tại Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Nay Ngân hàng ngưng cấp tín dụng và khởi kiện yêu cầu ông B trả tiền vay theo hợp đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.3] Về lãi suất, phí cấp tín dụng: Theo quy định của Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ông B ký xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Mức lãi suất và phí mà Ngân hàng và ông B đã thỏa thuận phù hợp với quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28-6-2023. Do đó ông B phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền lãi và phí phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29-3-2024) thì ông B phải trả cho Ngân hàng

số tiền là 38.994.617 đồng, trong đó số tiền dư nợ gốc là 22.686.094 đồng, tiền lãi quá hạn là 16.308.523 đồng.

[3] Số tiền dư nợ gốc là 22.686.094 đồng ông B phải tiếp tục trả lãi từ ngày 30-3-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Lê Hữu B phải chịu toàn bộ tiền án phí là 1.949.700 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Lê Hữu B về hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lê Hữu B phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 38.994.617 (Ba mươi tám triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm mười bảy) đồng, trong đó số tiền dư nợ gốc là 22.686.094 đồng, tiền lãi là 16.308.523 đồng.

2. Số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán là 22.686.094 đồng ông Lê Hữu B phải tiếp tục trả lãi từ ngày 30-3-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hữu B phải chịu 1.949.700 (Một triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm) đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.593.000 (Một triệu năm trăm chín mươi ba ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0007957 ngày 14-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

4. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CC.THADS huyện Thủ thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến